

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **459/2018/HC-PT**

Ngày 09/5/2018

V/v “*Khiếu kiện quyết định, hành
vi hành chính liên quan đến thu hồi
đất, cưỡng chế thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Thủy

Ông Trần Nam Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị
Thúy Ái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 82/2017/TLPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2017

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 08 tháng 08 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận H bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1790/2018/QĐPT ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc “*Khởi kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý đất đai*”, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: **Ông Bùi Quốc T** (Có mặt)

Địa chỉ: Số B23/8, Tổ 9, Khu phố 1, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 16 Đường V, Khu phố 5, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bị kiện: **1. Ủy ban nhân dân Quận H**

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H

Địa chỉ: Số 168 Đường T, Khu phố 1, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phước H (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N – Trưởng phòng giải quyết khiếu nại tiếp công dân (Có mặt)

- Ông Trần Cảnh P – Phó ban bồi thường giải phóng mặt bằng (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường B, Quận H

Địa chỉ: Số 171/1 Đường Lương Định Của, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Nhất V và bà Nguyễn Thị Hồng N (yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Kim A

Địa chỉ: B23/8, Tổ 9, Khu phố 1, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 16 Đường V, Khu phố 5, phường A, Quận H

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Văn L (Vắng mặt)

Địa chỉ: 68/4 Đường 3, phường T, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Bình M (Vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà 8.6, lầu 8 Nhà A, lô C – D chung cư Tái định cư B, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Lê Đức H (Có mặt)

Địa chỉ: 7/6C đường L, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim A: Ông Cao Thăng C

Địa chỉ: Căn hộ 3.05, nhà B, chung cư lô CD, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/6/2012 (ngày nhận đơn: 27/6/2012), bản tự khai, biên bản đối thoại, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện – ông Bùi Quốc T yêu cầu hủy các văn bản sau đây:

- Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của Ủy ban nhân dân (UBND) Quận H.

- Quyết định số 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của Ủy ban nhân dân Quận H về điều chỉnh, di dời vật kiến trúc.

- Thông báo số 58/TB ngày 18/3/2011 của Ủy ban nhân dân phường B thông báo về thời gian cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Bùi Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim A.

- Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về việc thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất, trái pháp luật. Theo ông T, hành vi này xảy ra vào ngày 23/3/2011, ông T có mặt và trực tiếp chứng kiến hành vi này, yêu cầu xóa tên hộ B23/8 (thứ tự 427) ra khỏi danh sách đi kèm Quyết định số 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của Ủy ban nhân dân Quận H; yêu cầu xác định hành vi sử dụng bản đồ bất hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận H, Ủy ban nhân dân phường B, Sở Quy hoạch Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên & Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh là trái pháp luật; yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu nhà, đất trước khi bị cưỡng chế.

Theo ông T, nhà và đất số B23/8 không nằm trong quy hoạch tỷ lệ 1/5000 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 367/TTg ngày 04/6/1996 và Quyết định 13585/QĐ của Kiến trúc sư trưởng, Quyết định 6577/QĐ-UB-QLĐT ngày 07/12/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định 1997/QĐ-UBND, Quyết định 65/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố. Theo ông T, nhà, đất B23/8 nằm ngoài ranh thu hồi đất của Bản đồ 02 BB được xác định tại Điều 1 Quyết định 1997.

Ông T xác định các cơ quan Ủy ban nhân dân Quận H, Ủy ban nhân dân phường B, Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Tài nguyên – Môi trường đã sử dụng bản đồ bất hợp pháp, gồm bản đồ 13585, bản đồ 02/BB, Bản đồ quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/2000 và 1/5000 ở giai đoạn 3 kết thúc. Ông T xác định chứng cứ để chứng minh là phần III, khoản 4 Kết luận của Thanh tra Thành phố ngày 01/10/2008, dòng 32, trang 2, Thông báo 561/ngày 04/8/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Kết luận 445 ngày 06/5/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố; văn bản 4416 ngày 26/10/2004 của Ủy ban nhân dân Quận H trả lời chi bộ khu phố 1 phường B, tại mục 2 trang 2; Thông báo số 385 ngày 02/8/2004 của Ban Thường vụ Quận ủy trả lời chi bộ khu phố 1 phường B; Công văn 19 ngày 12/9/2006 của Đảng ủy phường B; Tờ trình 1090 của Kiến trúc sư trưởng ngày 05/4/2002 tại mục 1.b và c; Công văn 4945 của Sở Địa chính nhà, đất xác định vị trí tại mục I điểm a; Điều 1 Quyết định 1997 ngày 10/5/20002; Quyết định 65/QĐ-UBND ngày 11/6/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại mục III điểm 2 và điểm 3; Tờ trình 1817 ngày 18/8/2005 của Sở Quy hoạch kiến trúc tại mục II, phần II, điểm A.1

Ông T xác định các cơ quan Ủy ban nhân dân Quận H, Ủy ban nhân dân phường B, Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Tài nguyên – Môi trường đã sử dụng bản đồ bất hợp pháp để ban hành Quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với nhà, đất B23/8, dẫn đến Tòa án các cấp đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông T đã khởi kiện Quyết định hành chính về bồi thường hỗ trợ thiệt hại số 6566/QĐ-UBND tại Tòa án nhân dân Quận H. Sau đó, kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên Tòa sơ thẩm do Tòa án nhân dân Quận H xét xử cũng như ở phiên Tòa phúc thẩm do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử, ông T đã phát hiện các cơ quan Ủy ban nhân dân Quận H, Ủy ban nhân dân phường B, Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Tài nguyên – Môi trường sử dụng bản đồ bất hợp pháp, cụ thể là dùng thủ thuật vi tính để cắt ghép bản đồ nhằm mục đích quy kết nhà, đất của ông T nằm trong ranh quy hoạch. Ông T sẽ có đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự đối với những người có hành vi sử dụng bản đồ giả. Ông T xác nhận ngày 01/11/2010, Ủy ban nhân dân Quận H tổng đạt Quyết cường chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H, có làm việc trực tiếp với ông T nhưng ông T không nhận và không ký nhận vì lý do cơ quan chức năng không cho phép ông T ghi ý kiến vào biên bản. Quyết định số 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của Ủy ban nhân dân Quận H về điều chuyển, di dời vật kiến trúc và danh sách 21 trang không được cơ quan có thẩm quyền ký duyệt. Quyết cường chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H không đúng thẩm quyền, không đúng trình tự, thủ tục và không có chữ ký trực tiếp của người có thẩm quyền; không đúng quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 28, Điều 21 Luật Đất đai năm 1993.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân Quận H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H có ông Nguyễn Phước Hưng là người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa, ông Trần Cảnh Phong, bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày: Việc ban hành Quyết định cường chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H đúng trình tự, thủ tục luật định.

Ngày 01/11/2010, Ủy ban nhân dân Quận H tổng đạt Quyết cường chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND ngày 25/10/2010, có làm việc trực tiếp với ông T nhưng ông T không nhận và không ký nhận.

Đến ngày 03/11/2010 tổ công tác đã niêm yết Quyết định cường chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường B. Ngày 09/11/2010, ông T trực tiếp liên hệ với Ủy ban nhân dân Quận H để nhận Quyết định cường chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND. Sau khi nhận quyết định, ông T không chấp hành vì cho rằng nhà, đất của ông T không nằm trong ranh quy hoạch. Vì vậy, ngày 22/3/2011, Ủy ban nhân dân Quận H đã thực hiện Quyết định cường chế thu hồi đất. Nay Ủy ban nhân dân Quận H không chấp nhận yêu cầu của ông T và đề nghị Tòa án nhân dân Quận H xử lý vụ án theo quy định.

Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về việc thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng pháp luật. Nay ông T khởi kiện đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân phường B có ông Ngô Nhất Vũ và bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc là người đại diện theo ủy quyền, bà Ngọc vắng mặt, ông Vũ có mặt tại phiên tòa trình bày: Thông báo số 58/TB ngày 18/3/2011 của Ủy ban nhân dân phường B thông báo về thời gian cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Bùi Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim A được ban hành đúng trình tự, thủ tục và có căn cứ. Ủy ban nhân dân phường B đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Kim A vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn Bình Minh có mặt trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và thủ tục tranh tụng, vắng mặt trong khi đang tiến hành thủ tục tranh tụng cho đến khi kết thúc phiên tòa, ông Lê Đức H có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập thêm Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên – Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Quy hoạch Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HCST ngày 08/8/2017, Tòa án nhân dân Quận H đã xét xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim A về việc hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H và yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu nhà, đất trước khi bị cưỡng chế.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông T về việc hủy Quyết định số 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của Ủy ban nhân dân Quận H về điều chỉnh, di dời vật kiến trúc và yêu cầu xóa tên hộ B23/8 (thứ tự 427) ra khỏi danh sách đi kèm Quyết định số 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của Ủy ban nhân dân Quận H.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông T về việc xác định hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông T đối với Thông báo số 58/TB ngày 18/3/2011 của Ủy ban nhân dân phường B.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông T về việc xác định hành vi sử dụng bản đồ bất hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận H, Ủy ban nhân dân phường

B, Sở Quy hoạch Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên & Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, trái pháp luật

Ngày 22/8/2017 ông Bùi Quốc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Bùi Quốc T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Cơ sở thu hồi đất là không có, vì bản đồ quy hoạch bất hợp pháp. Việc thu hồi đất theo bản đồ quy hoạch 2/BB là bản đồ dự kiến ranh quy hoạch nên không hợp pháp. Tòa án nhân dân Quận H đang thụ lý vụ án xét xử Quyết định giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 16495/QĐ ngày 21/12/2010 về bồi thường hỗ trợ tái định cư nên không thể cưỡng chế thu hồi đất ngay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – đại diện của bà Nguyễn Thị Kim A: án sơ thẩm nhận định Quyết định 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành làm cơ sở thu hồi đất nhưng tại phiên tòa sơ thẩm người bị kiện không xuất trình. Yêu cầu hủy án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND Quận H trình bày: Việc sử dụng bản đồ quy hoạch làm cơ sở thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục. Trình tự, thủ tục thẩm quyền cưỡng chế thu hồi đất là đúng. Đề nghị bác kháng cáo của ông T.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Kim A trình bày: nhà đất không nằm trong ranh quy hoạch. Việc thu hồi đất theo bản đồ quy hoạch 2/BB là bản đồ dự kiến ranh quy hoạch nên không hợp pháp. Tòa án nhân dân Quận H đang thụ lý vụ án xét xử Quyết định giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 16495/QĐ ngày 21/12/2010 về bồi thường hỗ trợ tái định cư nên không thể cưỡng chế thu hồi đất. đề nghị tạm đình chỉ giải quyết phúc thẩm vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPHCM phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án và tuyên án. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính tại phiên tòa. Về nội dung: thông báo số 58/TB ngày 18/3/2011 của UBND phường B không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án. Yêu cầu tuyên bố hành vi sử dụng bản đồ bất hợp pháp, cưỡng chế thu hồi đất hết thời hiệu khởi kiện. Yêu cầu hủy Quyết định 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của UBND Quận H về di dời vật kiến trúc hết thời hiệu khởi kiện. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất trên cơ sở có Quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường được duyệt là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền theo Luật đất đai năm 2003.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về thủ tục, thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Bùi Quốc T làm trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

-Về nội dung kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm không tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo yêu cầu của người khởi kiện, là đúng vì không có căn cứ tạm đình chỉ theo Điều 141 luật tố tụng hành chính (Luật TTHC).

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án hành chính, vắng mặt đương sự, đúng với Điều 157, 158 Luật TTHC.

[1] Xét đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện:

- Xét Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 (gọi tắt là Quyết định 14179/QĐ-UBND) của Ủy ban nhân dân Quận H: Theo Biên nhận ngày 09/11/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H thể hiện ông T có nộp đơn khiếu nại đối với Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND. Ngày 07/12/2010, Ủy ban nhân dân Quận H gửi Công văn số 3590/UBND-TTXXD trả lời khiếu nại của ông T. Ngày 27/6/2012 ông T nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND đến Tòa án nhân dân Quận H.

Điều 3 Nghị quyết 56/2010/QH12, ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2010 quy định:

“Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật Tố tụng hành chính có hiệu lực, người khiếu nại đã thực hiện việc khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ ngày 01/6/2006 đến ngày Luật này có hiệu lực, nếu khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của Luật Tố tụng hành chính”;

Do đó khiếu kiện của ông T đúng hạn luật định.

- Xét Quyết định số 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của Ủy ban nhân dân Quận H về điều chỉnh, di dời vật kiến trúc: Tại Bảng chiết tính số 678/BA ngày 12/5/2010 của Hội đồng bồi thường dự án (bút lục 66), Quyết định số 16049/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 về kiểm kê bắt buộc (bút lục 63) có viện dẫn Quyết định số 6874/QĐ – UBND và ghi rõ hộ của bà Nguyễn Thị Kim A có số thứ tự là 427. Ngày 11/12/2009, ông T được công bố và giao Quyết định số 16049/QĐ-UBND và có ký nhận quyết định, thể hiện tại Biên bản công bố quyết định ngày

23/11/2009 của Ủy ban nhân dân phường B (bút lục 73); ngày 23/8/2010, ông T nộp đơn khiếu nại đối với bảng chiết tính bồi thường, thể hiện Biên nhận hồ sơ số 1235/TCD của Ủy ban nhân dân Quận H. Tòa có cơ sở để xác định ngày 11/12/2009 ông T biết được Quyết định số 6874/QĐ-UBND, nhưng ông T không xuất trình được chứng cứ chứng minh có thực hiện quyền khiếu nại đối với Quyết định số 6874/QĐ-UBND. Ngày 27/6/2012, ông T nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định số 6874/QĐ-UBND. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015, yêu cầu khởi kiện của ông T đã hết thời hiệu khởi kiện.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông T đối với Quyết định số 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của Ủy ban nhân dân Quận H.

- Xét Hành vi sử dụng bản đồ bất hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận H, Ủy ban nhân dân phường B, Sở Quy hoạch Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên & Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, làm căn cứ thu hồi đất;

Dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận H đã được phê duyệt bởi các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 367/TTg ngày 04/6/1996 về việc phê duyệt quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/5/2002; Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, các khu phục vụ tái định cư tại Quận H và các Quyết định bổ sung sửa đổi Quyết định 135/2002/QĐ-UBND. Như phân tích trên, ông T biết được Quyết định 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 về di dời vật kiến trúc của hộ ông T ra khỏi phần đất thuộc dự án bị giải tỏa, cùng Quyết định 6066/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 về bồi thường hỗ trợ thiệt hại tái định cư của UBND Quận H (đã bị xét xử tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2011/HCST ngày 11/7/2011 của Tòa án nhân dân Quận H, Bản án hành chính phúc thẩm số 1003/2012/HCPT ngày 24/8/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), do đó HĐXX có cơ sở xác định ông T biết được hành vi của các cơ quan có liên quan sử dụng bản đồ quy hoạch làm căn cứ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tính đến ngày khởi kiện là hết thời hiệu.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông T đối với hành vi sử dụng bản đồ bất hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận H, Ủy ban nhân dân phường B, Sở Quy hoạch Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên & Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xét Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về việc thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Theo Biên bản thực hiện Quyết định cưỡng

chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H lập ngày 22/3/2011, hành vi thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất thực hiện vào ngày 22/3/2011, ông T có mặt và trực tiếp chứng kiến hành vi này. Tại biên bản đối thoại ngày 13/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận H, ông T yêu cầu xác định hành vi này là trái pháp luật. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, yêu cầu khởi kiện của ông T đã hết thời hiệu khởi kiện.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông T về việc xác định hành vi hành chính - thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H là trái pháp luật.

- Xét Thông báo số 58/TB ngày 18/3/2011 của Ủy ban nhân dân phường B thông báo có nội dung thông báo thời gian cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Bùi Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim A, không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của họ hoặc làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ; nên không phải là Quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, theo Điều 2 Luật TTHC.

Lưu ý Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông T đối với Thông báo số 58/TB ngày 18/3/2011 của Ủy ban nhân dân phường B do không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Thông báo số 58/TB của UBND phường B nêu trên bị kiện, nên cần xác định UBND phường B là người bị kiện chứ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Tuy nhiên phần Quyết định của án sơ thẩm đình chỉ giải quyết là đúng, nên không cần thiết sửa án sơ thẩm phần này.

[2] Về căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính 14179/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất:

Ngày 04/6/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 367/TTg về việc phê duyệt quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/5/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Ngày 21/11/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 135/2002/QĐ-UB về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư tại Quận H.

Ngày 28/7/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 188/2004/QĐ-UB về sửa đổi, bổ sung Quyết định 135/2002/QĐ-UB, ngày 21/11/2002.

Ngày 15/8/2005, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 143/2005/QĐ-UB về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB, ngày 21/11/2002.

Ngày 16/8/2006, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB, ngày 21/11/2002.

Ngày 21/01/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB, ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND, ngày 16/8/2006.

Các văn bản trên chính là căn cứ pháp lý để Ủy ban nhân dân Quận H, ban hành quyết định hành chính 14179/QĐ-UBND theo thẩm quyền.

Xét ông T đã khởi kiện Quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6066/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H đối với nhà, đất tọa lạc tại số B23/8, Cư xá Công nhân, xã An Khánh, huyện Thủ Đức (nay thuộc Tổ 9, Khu phố 1, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 11/7/2011, Tòa án nhân dân Quận H đã xét xử vụ án bằng bản án hành chính số 08/2011/HCST bác yêu cầu của ông T. Ngày 24/8/2012, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm bằng bản án số 1003/2012/HCPT bác đơn kháng cáo của ông T. Theo điểm b, khoản 1, Điều 79 Luật Tổ tụng hành chính, những tình tiết sự kiện sau đây thì không phải chứng minh: “Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”. Do đó, có đầy đủ cơ sở để xác định nhà, đất do ông T sử dụng tại số B23/8, Cư xá Công nhân, xã An Khánh, huyện Thủ Đức (nay thuộc Tổ 9, Khu phố 1, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) thuộc quy hoạch dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Khoản 3 Điều 39 Luật đất đai năm 2003 quy định:

“Sau khi có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, được công bố công khai, có hiệu lực thi hành, người bị thu hồi đất phải chấp hành quyết định thu hồi đất.

Trường hợp người bị thu hồi đất không chấp hành quyết định thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất ra quyết định cưỡng chế...”

Do đó ngày 25/10/2010, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND là đúng. Thực tế đến năm 2011 UBND Quận H đã cưỡng chế thu hồi đất xong.

Đối với yêu cầu của ông T về việc xác định các hành vi sau đây là trái pháp luật: hành vi của Ủy ban nhân dân Quận H về việc không ra quyết định giải quyết khiếu nại, hành vi ban hành quyết định hành chính trái pháp luật, hành vi dùng bản đồ và chứng cứ giả mạo; xét thấy các yêu cầu này ông T bổ sung trong phần thủ tục tranh tụng tại phiên tòa, vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 173 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét là đúng.

Án phí hành chính sơ thẩm: vụ án được thụ lý theo thủ tục sơ thẩm năm 2012, nên án phí được giải quyết theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 (*Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*). Án sơ thẩm buộc ông T chịu án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng là đúng với khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Án sơ thẩm xử có căn cứ, nên giữ nguyên.

Án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo, ông Bùi Quốc T, Chứng minh nhân dân số 021466167, sinh ngày 08/3/1957 đã gửi đơn kháng cáo ngày 22/8/2017, thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí, án phí hành chính phúc thẩm theo *điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 1 pháp lệnh người cao tuổi năm 2000*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 2; 3; điểm b khoản 1 Điều 79; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Áp dụng khoản 3 Điều 39 Luật đất đai năm 2003;

- Áp dụng Điều 1 pháp lệnh người cao tuổi năm 2000;

- Điều 3 Nghị quyết 56/2010/QH12, ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2010;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Quốc T, giữ nguyên phần quyết định của án sơ thẩm:

1. Không chấp nhận khởi kiện của ông Bùi Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim A, yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 14179/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận H và khôi phục lại tình trạng ban đầu nhà, đất trước khi bị cưỡng chế.

Đình chỉ giải quyết khởi kiện của ông Bùi Quốc T yêu cầu hủy Quyết định số 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của Ủy ban nhân dân Quận H về điều chỉnh, di dời vật kiến trúc và yêu cầu xóa tên hộ B23/8 (thứ tự 427) ra khỏi danh sách đi kèm Quyết định số 6874/QĐ-UBND ngày 29/10/2004 của Ủy ban nhân dân Quận H.

Đình chỉ giải quyết khởi kiện của ông Bùi Quốc T yêu cầu xác định hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật.

Đình chỉ giải quyết khởi kiện của ông Bùi Quốc T đối với Thông báo số 58/TB ngày 18/3/2011 của Ủy ban nhân dân phường B, Quận H.

Đình chỉ giải quyết khởi kiện của ông Bùi Quốc T yêu cầu xác định hành vi sử dụng bản đồ bất hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận H, Ủy ban nhân dân phường B, Sở Quy hoạch Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên & Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh là trái pháp luật.

2. Về án phí: Án phí hành chính sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), ông Bùi Quốc T phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 08872 ngày 26/7/2012 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H. Án phí hành chính phúc thẩm, ông Bùi quốc T được miễn; hoàn trả cho ông Bùi Quốc T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số AE/2014/0008350 ngày 30/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận H;
- TAND Quận H ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu